Bản tổng hợp ý kiến và tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
Về kết quả thẩm định dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Báo cáo số: 1209/BC-SNNMT ngày 28/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Ý kiến thẩm định theo Báo cáo số 623/BC-STP ngày 21/10/2026 của Sở Tư pháp	Nội dung tiếp thu, giải trình	Ghi chú
1	**1. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng** **1.1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết** Khoản 1, 2, 3 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 169/2026/VBHN-LQ-VPQH) *(viết tắt là Luật Đê điều)* quy định: *"Điều 25. Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều* *1. Những hoạt động sau đây phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép:* *a) Cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều;* *b) Khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều;* *c) Xây dựng cống qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông;* *d) Xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước dưới đất trong phạm vi 1 kilômét tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều;* *đ) Sử dụng đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng;* *e) Khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông;* *g) Để vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông;* *h) Nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều.* *2. Việc cấp giấy phép cho những hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này phải căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành. Khi cấp giấy phép cho những hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều này đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.* *3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:* *a) Niêm yết công khai và hướng dẫn các quy định về việc cấp giấy phép;*	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện.	

	b) Xem xét tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ xin cấp giấy phép cho những hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này; *c) Cấp giấy phép hoặc trả lời bằng văn bản đối với những trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép trong thời hạn không quá hai mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;* *d) Kiểm tra việc thực hiện theo giấy phép và những hoạt động không có giấy phép, đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép khi người được cấp giấy phép vi phạm quy định của Luật này;* *đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc cấp giấy phép theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo".* Theo đó, Luật Đê điều quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Luật này và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định cụ thể về cách thức, thành phần, số lượng hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu, điều kiện *(nếu có)* thực hiện thủ tục hành chính cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tại Mục B Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định: *"1. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *a) Trình tự thực hiện* *- Bước 1. Nộp hồ sơ* *Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin cấp phép cho những hoạt động liên quan đến đê điều quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều bao gồm:…* *- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ* *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ xin cấp giấy phép.* *- Bước 3: Xem xét, quyết định cấp phép* *Căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép hoặc trả lời bằng văn bản đối với những trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép.* *(Trình tự thực hiện cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định).*		

	b) Cách thức thực hiện: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. *c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.* *...e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:* *- Cơ quan thực hiện: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện.* *...i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.* *k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định..".* Từ những vấn đề nêu trên và căn cứ điểm a khoản 3 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 *(viết tắt là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)*[1], khoản 1 Điều 7 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính[2], thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang là có cơ sở.		
2	***1.2. Sự cần thiết ban hành*** Để triển khai thi hành Luật Đê điều, Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh, thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo.	

[1] Điểm a khoản 3 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:
"3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:
a) Biện pháp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".
[2] Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP quy định:
"Thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định này phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về văn bản quy phạm pháp luật và phải đáp ứng các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này".

3	***1.3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng*** ***a) Phạm vi điều chỉnh****:* - Tên gọi của dự thảo Quyết định: Đề nghị bổ sung từ *"và cách thức"* vào sau cụm từ *"Quy định hồ sơ, trình tự"* cho đầy đủ, bao quát nội dung của dự thảo Quyết định. - Khoản 1 Điều 1: Bố cục khoản này thành 02 điểm *(điểm a và điểm b)*, cụ thể: + Biên tập nội dung tại khoản 1 Điều 1 thành điểm a; đồng thời, bổ sung từ *"và cách thức"* vào sau cụm từ *"Quyết định này quy định hồ sơ, trình tự"* và bỏ cụm từ *"gồm: Hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện thủ tục"* cho khoa học, thống nhất với tên gọi của dự thảo Quyết định. + Bổ sung điểm b, như sau: *"b) Những nội dung không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan"*, để bảo đảm đầy đủ, bao quát.	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo.	
4	**3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản** ***3.1. Căn cứ ban hành*** Căn cứ thứ 3 và 4, đề nghị gộp lại thành: *"Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;* ***3.2. Điều 2, đề nghị:*** a) Tên Điều: Bỏ cụm từ *"Luật số 35/2018/QH14, Luật 47/2024/QH15, Luật số 60/2020/QH14"*, vì khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 và để bảo đảm ngắn gọn theo hướng dẫn tại Văn bản số 6757/BTP-CTXDVBQPPL ngày 27/8/2026 của Bộ Tư pháp về việc trả lời phản ánh, kiến nghị về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025: *"trường hợp viện dẫn một điều, khoản, điểm cụ thể của văn bản thì phải xác định rõ điều, khoản, điểm được viện dẫn và văn bản sửa đổi, bổ sung trực tiếp điều, khoản, điểm đó"*. **b) Khoản 1:** Bổ sung từ *"Phụ lục"* vào sau cụm từ *"mẫu số 01"* cho đầy đủ. **c) Khoản 2:** - Bỏ cụm từ *"(Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền…)"*, vì quy định *"văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai"* đã bảo đảm tính bao quát, việc liệt kê là vừa thừa, vừa thiếu, không cần thiết. - Bỏ cụm từ *"ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ"* cho đúng kỹ thuật viện dẫn quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo.	

	bản quy phạm pháp luật *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và Nghị định số 385/2026/NĐ-CP)*. **d) Khoản 4** quy định thành phần hồ sơ *"quyết định phê duyệt dự án"* trùng lặp với quy định tại khoản 3 Điều này, đề nghị rà soát, chỉnh sửa.		
5	***3.3. Điều 3, đề nghị:*** **a) Tên Điều:** Bổ sung từ *"quy định"* vào trước cụm từ *"tại điểm đ khoản 1 Điều 25 Luật..."* cho đầy đủ; **bỏ** cụm từ *"Luật số 35/2018/QH14, Luật 47/2024/QH15, Luật số 60/2020/QH14"*, vì khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 và để bảo đảm ngắn gọn theo hướng dẫn tại Văn bản số 6757/BTP-CTXDVBQPPL ngày 27/8/2026 của Bộ Tư pháp về việc trả lời phản ánh, kiến nghị về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025: *"trường hợp viện dẫn một điều, khoản, điểm cụ thể của văn bản thì phải xác định rõ điều, khoản, điểm được viện dẫn và văn bản sửa đổi, bổ sung trực tiếp điều, khoản, điểm đó"*. **b) Khoản 1:** Bổ sung từ *"Phụ lục"* vào sau cụm từ *"mẫu số 01"* cho đầy đủ.	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo.	
6	***3.4. Điều 4, đề nghị:*** **a) Tên Điều:** Bổ sung từ *"quy định"* vào trước cụm từ *"tại điểm e, g khoản 1 Điều 25 Luật..."* cho đầy đủ; **bỏ** cụm từ *"Luật số 35/2018/QH14, Luật 47/2024/QH15, Luật số 60/2020/QH14"*, vì khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 và để bảo đảm ngắn gọn theo hướng dẫn tại Văn bản số 6757/BTP-CTXDVBQPPL ngày 27/8/2026 của Bộ Tư pháp về việc trả lời phản ánh, kiến nghị về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025: *"trường hợp viện dẫn một điều, khoản, điểm cụ thể của văn bản thì phải xác định rõ điều, khoản, điểm được viện dẫn và văn bản sửa đổi, bổ sung trực tiếp điều, khoản, điểm đó"*. **b) Khoản 1:** Bổ sung từ *"Phụ lục"* vào sau cụm từ *"mẫu số 01"* cho đầy đủ. **c) Khoản 2:** Chỉnh sửa cụm từ *"và tuân thủ các quyết định khác của pháp luật (nếu có)"* thành *"và tuân thủ các quy định của pháp luật khác có liên quan (nếu có)"* cho chính xác. **d) Khoản 4: Bỏ** cụm từ *"Luật số 35/2018/QH14, Luật 47/2024/QH15, Luật số 60/2020/QH14"*, vì khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 và để bảo đảm ngắn gọn theo hướng dẫn tại Văn bản số 6757/BTP-CTXDVBQPPL ngày 27/8/2026 của Bộ Tư pháp về việc trả lời phản ánh, kiến nghị về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025: *"trường hợp viện dẫn một điều, khoản, điểm cụ thể của văn bản thì phải xác định rõ điều, khoản, điểm được viện dẫn và văn bản sửa đổi, bổ sung trực tiếp điều, khoản, điểm đó"*.	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo.	

	3.5. Điều 5, đề nghị: ***a) Khoản 1:*** - Tên khoản: Chỉnh sửa thành *"1. Trình tự và cách thức thực hiện"* cho bao quát nội dung tại điểm a khoản này và thống nhất với tên Điều 5. - Điểm a: Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa theo hướng quy định viện dẫn *"Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cách thức quy định tại Điều 15 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP, Nghị định số 224/2026/NĐ-CP và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP",* để bảo đảm đầy đủ, bao quát, phù hợp.	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo.	
7	**- Điểm b:** Đề nghị sắp xếp, bố cục lại các nội dung tại điểm này theo trình tự thực hiện, bảo đảm khoa học, như sau: (1) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, xác minh tính hợp pháp, phù hợp của nội dung hồ sơ đề nghị cấp phép. (2) Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung thì thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thiện; tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thực hiện hoàn thiện hồ sơ theo quy định. (3) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không phù hợp, không đúng với nội dung nêu trong đơn đề nghị cấp giấy phép, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do. (4) Quy định về việc gửi xin ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền và cơ quan có liên quan theo quy định. Trong đó, lưu ý việc lấy ý kiến chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trương đối với cấp giấy phép cho các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-BNNMT)[3].	Cơ bản nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện tại điểm b khoản 1 Điều 5 của dự thảo Quyết định. - Tại mục (4*)* điểm b khoản 1 Điều 5 của dự thảo Quyết định:*"Quy định về việc gửi xin ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền và cơ quan có liên quan theo quy định. Trong đó, lưu ý việc lấy ý kiến chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trương đối với cấp giấy phép cho các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-BNNMT"...*	

[3] Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT *(hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-BNNMT)* quy định:
"Điều 3. Quy định về việc chấp thuận
1. Các hoạt động phải lấy ý kiến chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường[4] bao gồm:
a) Cấp giấy phép cho các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III;
b) Xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên.
2. Nội dung xem xét chấp thuận

	(5) Trường hợp cần thiết, mời các đơn vị liên quan đi kiểm tra thực địa hoặc được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép lựa chọn đơn vị/tổ chức có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định. (6) Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thành việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép theo quy định. - Điểm c: + Bổ sung từ *"Phụ lục"* vào sau cụm từ *"mẫu số 02"* cho đầy đủ. + Bỏ cụm từ *"và chuyển giấy phép đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả"* và cụm từ *"đồng thời chuyển văn bản đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả"*, vì đã được thể hiện trong quy định về cách thức nhận kết quả (Điều 15) và quy định về việc trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Điều 22) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP); các quy định liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp bộ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và qua Cổng Dịch vụ công quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP). - Điểm d: Đề nghị **bỏ**, vì nội dung này không thuộc trình tự, thủ tục cấp giấy phép, mà quy định liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp bộ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP).	Nội dung này Sở Nông nghiệp và Môi trường xin được tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung nội dung: ***"Trường hợp xin ý kiến về chuyên môn đối với các Sở ban ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở ban ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép"*** sau cụm từ *"Quy định về việc gửi xin ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền và cơ quan có liên quan theo quy định. Trong đó... các hoạt động liên quan đến đê điều (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-BNNMT"* Lý do: Việc lấy ý kiến chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với cấp giấy phép cho các hoạt động quy định tại các điểm a, b, c và h khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều **đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III** theo quy định tại	

a) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về đê điều;

b) Sự phù hợp với quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Việc bảo đảm an toàn đê điều, thoát lũ khi xây dựng công trình;

d) Giải pháp phòng, chống lũ trong quá trình thi công và đảm bảo an toàn cho đê trong quá trình quản lý, sử dụng công trình;

đ) Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên đê trong quá trình thi công;

e) Các vấn đề liên quan khác (nếu có).

3.Cách thức thực hiện việc lấy ý kiến chấp thuận

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường một bộ Hồ sơ (bản chính hoặc bản sao y) bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, bao gồm:

a) Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Hồ sơ kỹ thuật công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thuyết minh và Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt cắt đại diện, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến đê điều, thoát lũ khi xây dựng công trình;

d) Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);

đ) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên…".

		Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều *(hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 42/VBHN-BNNMT).* Như vậy: **Đối với đê cấp IV và cấp V** không có quy định việc lấy ý kiến chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Mặt khác theo phân cấp đê tại Quyết định số 508/QĐ-BNN-TCTL ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)* toàn bộ chiều dài các tuyến đê trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là đê cấp V. Do vậy, trong quá trình thực hiện sẽ cần phối hợp và lấy ý kiến về chuyên môn đối với các Sở ban ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan để đảm bảo tính đồng bộ không bị chồng chéo và phù hợp với hiện trạng tuyến đê trên địa bàn tỉnh là cần thiết.	
	- Điểm c: + Bổ sung từ *"Phụ lục"* vào sau cụm từ *"mẫu số 02"* cho đầy đủ. + Bỏ cụm từ *"và chuyển giấy phép đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả"* và cụm từ *"đồng thời chuyển văn bản đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả"*, vì đã được thể hiện trong quy định về cách thức nhận kết quả (Điều 15) và quy định về việc trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Điều 22) Nghị định số 118/2025/NĐ-CP (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP); các quy định liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp bộ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và qua Cổng Dịch vụ công quốc gia thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP).	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo.	
	- Điểm d: Đề nghị **bỏ**, vì nội dung này không thuộc trình tự, thủ tục cấp giấy phép, mà quy định liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp bộ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP).	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo	

	b) Khoản 2: Đề nghị **bỏ** vì quy định lại nội dung đã được quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP).	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo	
8	**3.6. Dự thảo Phụ lục** **a) Bổ sung tên Phụ lục, thông tin chỉ dẫn kèm theo văn bản tại Phụ lục và mục lục Biểu mẫu cho đầy đủ, như sau:** "***Phụ lục*** ***MẪU VĂN BẢN TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐÊ ĐIỀU THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG*** *(kèm theo Quyết định số .../2026/QĐ-CTUBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo	
	b) Dự thảo các Biểu mẫu - Biểu mẫu số 01: Nội dung *"Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép"* nhưng thông tin tiếp theo không có thông tin xác định tổ chức *(người đại diện, mã số,...)* mà chỉ có thông tin xác định cá nhân *(số căn cước công dân)*, hơn nữa theo quy định tại Luật Căn cước số 26/2023/QH15 thì đổi tên thẻ Căn cước công dân thành thẻ Căn cước *(Thẻ căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được in trên thẻ)*.	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo. Nội dung này Sở Nông nghiệp và Môi trường xin được tiếp thu và chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung như sau: - Bổ sung cụm từ: ***"(hoặc người đại diện hợp pháp theo pháp luật, mã số doanh nghiệp/mã số thuế của tổ chức (nếu có))"*** vào sau cụm từ *"Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép"* Lý do: Nhằm đảm bảo thông tin xác định tổ chức. - Sửa đổi cụm từ *"CCCD"* thành cụm từ *"Thẻ CCCD/CC ……Do……cấp ngày……tháng ... năm...."* Lý do: Để đảm bảo phù hợp theo quy định tại Luật Căn cước số 26/2023/QH15 thì đổi tên thẻ Căn cước công dân thành thẻ Căn cước *(Thẻ căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được in trên thẻ)*. - Bổ sung cụm từ: ***"Quyết định thành lập của tổ chức số…. ngày …. tháng…. năm… (hoặc***	

		Giấy phép đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân số…. ngày …. tháng…. năm…(nếu có))” Lý do: Nhằm xác thực giá trị thông tin pháp lý đồng thời là căn cứ xác định tư cách pháp nhân, thẩm quyền, sự tồn tại hợp pháp và năng lực pháp luật của tổ chức hoặc cá nhân trong thực hiện xin cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều.	
	- Biểu mẫu số 02: Số ký hiệu *“.../GP-CTUBND”* nhưng thể thức văn bản là Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp.	Nội dung này Sở Nông nghiệp và Môi trường xin được tiếp thu và giải trình như sau: - Đây là một nội dung về kết quả thực hiện TTHC. Mặt khác theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 25 Luật Đê điều số 79/2006/QH11 (*hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 169/2026/VBHN-LQ-VPQH)* quy định: “*3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:* *... c)* ***Cấp giấy phép*** *hoặc* ***trả lời bằng văn bản*** *đối với những trường hợp* ***chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép*** *trong thời hạn không quá hai mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ*;” Tại Mục B Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1827/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định: *“1. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *a) Trình tự thực hiện*	

		…i) ***<u>Tên mẫu đơn,</u>*** *<u>mẫu tờ khai: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.</u>* Theo đó, Luật Đê điều quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Luật này và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định cụ thể về cách thức, thành phần, số lượng hồ sơ, mẫu đơn**,** mẫu tờ khai, yêu cầu, điều kiện *(nếu có)* thực hiện thủ tục hành chính cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể về mẫu <u>Cấp giấy phép</u> liên quan đến các hoạt động đê điều. Qua rà soát, tham khảo các mẫu cấp giấy phép theo quy định hiện hành cơ quan soạn thảo thấy có mẫu Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 16) tại Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/07/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản có tính chất tương đồng với <u>Cấp giấy phép</u> liên quan đến các hoạt động đê điều. Do vậy cơ quan soạn thảo đã vận dụng theo quy định này để hoàn thiện Mẫu số 02 của dự thảo Quyết định.	
	- Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các nội dung thông tin quy định trong dự thảo Biểu mẫu cho đầy đủ, thống nhất với quy định về trình tự, thủ tục tương ứng trong dự thảo Quyết định. - Chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày biểu mẫu cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư như: *sử dụng kiểu chữ đậm, nhạt cho phù hợp với từng nội dung...*	Nhất trí tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo	
9	**6. Đối với nội dung khác:** Không có.		